

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ ba, ngày 10 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/9/2019		•	
Tuần 9/9-13/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mặc dù VN-Index có sự hồi phục nhẹ ngay từ đầu phiên sáng, lực trụ của các mã VCB, MSN, NVL dường như không thể trì hoãn được áp lực bán gia tăng từ các bluechips SAB, VHM, VNM. Trong phiên chiều, chỉ số chủ yếu vận động dưới mốc tham chiếu và kết thúc phiên ở ngưỡng 970.26 điểm. Thị trường có phiên giao dịch biến động mạnh đi ngược với xu hướng tăng điểm trong khu vực. Thanh khoản có sự cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn giữ ở mức cẩn trọng tuy có sự cải thiện nhẹ.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. MSN đang điều chỉnh tăng sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ 74. Thanh khoản cải thiện tích cực trong những phiên gần đây có thể tạo động lực hồi phục trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ có động lực tăng trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng -0.1%. Danh mục **Hàng tiêu dùng** - gồm những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày **-0.1%** con số này của **VNINDEX** là **-0.4%**. Trong giai đoạn thị trường đi ngang và giảm điểm, đầu tư danh mục có tính phòng thủ và được đa dạng hóa cao tiếp tục cho thấy tính chất an toàn. Hôm nay có 10/14 danh mục **Chủ đề** có mức giảm không quá 1%.

Phân tích kỹ thuật: GMD_Giảm giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.86 điểm**, đóng cửa 970.26. HNX-Index **-0.88 điểm**, đóng cửa 99.97.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.75); VCB (+0.55); BID (+0.20); NVL (+0.14); TCH (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.59); SAB (-0.56); BVH (-0.54); GAS (-0.45); HVN (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,786.92 tỷ đồng**, **+30.2%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.08 điểm. Thị trường có 107 mã tăng và 201 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **57.80 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm PLX (28.48 tỷ), NVL (24.12 tỷ) và PC1 (10.64 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **53.88 tỷ đồng**.

VN-INDEX

970.26

Giá trị: 2786.92 tỷ

-3.86 (-0.4%)

Khối ngoại (ròng): 57.8 tỷ

HNX-INDEX

99.97

Giá trị: 379.98 tỷ

-0.88 (-0.87%)

Khối ngoại (ròng): -53.88 tỷ

UPCOM-INDEX

56.15

Giá trị: 337.77 tỷ

-0.34 (-0.6%)

Khối ngoại(ròng): 18.75 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.2	0.59%
Giá vàng	1,494	-0.33%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,611	0.11%
Tỷ giá JPY/VND	21,616	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	1.77%
LS TPCP 5 năm	3.3%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	28.5	PHR	44.1
NVL	24.1	STB	22.7
PC1	10.6	BVH	13.3
VIC	10.2	GTN	10.2
GEX	9.9	DPR	4.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Danh mục **Hàng tiêu dùng** - gồm những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày **-0.1%**, con số này của **VNINDEX** là **-0.4%**.

* Trong giai đoạn thị trường đi ngang và giảm điểm, đầu tư danh mục có **tính phòng thủ** và **được đa dạng hóa** cao tiếp tục cho thấy tính chất an toàn. Hôm nay có 10/14 danh mục Chủ đề có mức giảm không quá 1%.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_-0.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Hàng tiêu dùng	-0.1%	-1.7%	-1.9%	3.9%	1.8%	5.7%	57.0%
Xây dựng	-0.2%	0.2%	-0.1%	-4.0%	-13.7%	-12.1%	20.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.2%	-0.5%	0.0%	0.4%	-5.6%	3.0%	83.8%
Nước & Năng lượng	-0.5%	-1.0%	-0.4%	-2.7%	-3.9%	10.9%	57.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.5%	0.7%	-1.7%	-2.7%	-9.2%	-6.8%	-9.8%
Ngân hàng	-0.6%	-1.2%	2.5%	9.3%	-2.2%	-1.4%	70.7%
Vật liệu Xây dựng	-0.7%	-0.4%	-2.8%	0.6%	-3.7%	5.5%	2.5%
BDS & Khu công nghiệp	-0.7%	-1.3%	-0.3%	2.3%	-3.6%	5.1%	58.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.8%	-1.9%	-0.9%	6.5%	-0.2%	1.8%	67.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.8%	-2.1%	0.8%	3.3%	-2.4%	2.1%	68.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.0%	-2.9%	-5.1%	-3.9%	-3.5%	14.1%	45.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.1%	-2.7%	-8.6%	-10.9%	-17.6%	-16.2%	31.2%
Chiến tranh thương mại	-1.7%	-2.5%	-5.4%	-5.3%	-7.4%	6.7%	7.7%
Dầu khí	-1.9%	-1.9%	-3.7%	-3.5%	-2.7%	-1.2%	8.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 8	0.2%	0.0%	0.5%	7.1%	8.0%	11.8%	59.0%
Danh mục 2	-0.2%	-0.7%	1.8%	2.9%	-2.2%	3.4%	68.8%
Danh mục 1	-0.5%	-1.5%	1.4%	6.4%	1.3%	4.5%	67.3%
Danh mục 17	-1.3%	-2.8%	-4.8%	-2.7%	-6.6%	9.9%	127.7%
Danh mục 18	-1.4%	-1.5%	-1.4%	-0.8%	-3.3%	9.9%	95.1%
* Note	2/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

* Note 2/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	0.1%	-0.4%	3.5%	10.6%	4.9%	3.2%	65.6%
Danh mục 19	-0.1%	-1.2%	1.0%	6.6%	3.1%	10.3%	50.8%
Danh mục 21	-0.4%	-0.2%	0.1%	4.1%	0.9%	1.8%	41.4%
Danh mục 25	-1.2%	-3.8%	-5.1%	3.1%	2.1%	26.9%	162.0%
Danh mục 23	-1.5%	-3.5%	-4.1%	-1.9%	-7.3%	5.8%	110.2%
* Note	2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

* Note 2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	-0.4%	-0.9%	-0.4%	1.7%	-3.8%	0.0%	45.5%
VN30INDEX	-0.3%	-0.7%	0.5%	1.4%	-5.6%	-6.6%	34.1%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

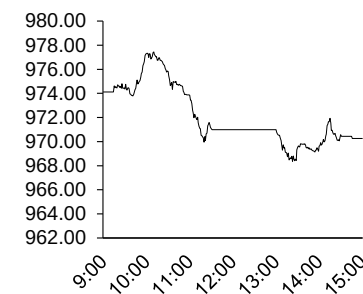
BSC RESEARCH

9/10/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

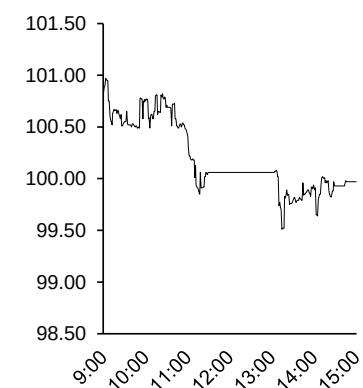
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.1%
Truyền thông	0.8%
Viễn thông	0.3%
Tài nguyên Cơ bản	0.1%
Công nghệ Thông tin	0.0%
Ngân hàng	0.0%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Y tế	-0.2%
Dịch vụ tài chính	-0.3%
Bất động sản	-0.5%
Xây dựng và Vật liệu	-0.6%
Dầu khí	-0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.8%
Du lịch và Giải trí	-0.9%
Bán lẻ	-1.0%
Hóa chất	-1.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.5%
Bảo hiểm	-2.8%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

GMD_Giảm giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: giảm giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: giảm dần và chưa chạm đến vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu GMD sau khi tiếp cận ngưỡng kháng cự tại vùng giá 29 đã không thể vượt qua mức cản tâm lý này. Dù cho đường EMA12 vẫn ở trên đường EMA26 nhưng đà giảm giá hiện tại là vô cùng mạnh mẽ. Chỉ báo MACD cũng ủng hộ cho trạng thái này, hơn nữa, chỉ báo RSI chưa chạm đến vùng quá bán cho thấy cổ phiếu này còn có thể diễn biến tiêu cực một thời gian nữa. Nhìn chung, GMD đang trong quá trình tiến dần về ngưỡng hỗ trợ tại xung quanh giá 25.5, và có thể sẽ hồi phục lại từ vùng này, sau đó tiếp tục bết tắc trong khu vực 25.5 – 29. Trong trường hợp kém tích cực và không giữ được mốc 25.5, cổ phiếu này có thể xuống sâu hơn nữa về vùng giá 22.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL).

Luận điểm đầu tư: Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.

Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh khốc liệt các cảng ở khu vực cảng Hải Phòng. Cảng Nam Hải nằm sâu trên thượng nguồn sông Cấm khó cho tàu hàng vào. Dự án Gemalink phải vay 220 triệu USD nên áp lực lãi vay cao trong 1 - 2 năm đầu hoạt động khi sản lượng hàng hóa chưa đạt được điểm hòa vốn.

Cập nhật KQKD: GMD KQKD DT 1H2019 đạt 1,297 tỷ (-0.1% yoy) và LNST đạt 347.8 tỷ đồng (-77.6% yoy, nếu loại trừ lợi nhuận bất thường trong Q2/18 là 1,519.9 tỷ đồng thì LNST tăng hơn +40% yoy. Chúng tôi lưu ý cảng Nam Đình Vũ hiện đang có phục vụ 5 chuyến/ tuần, trong tháng 8 sẽ tiếp nhận thêm 2 chuyến tàu mới nâng số chuyến lên 7 chuyến/ tuần. Vì thế cảng Nam Đình Vũ dự kiến sẽ đạt sản lượng từ 382-400 ngàn TEUs trong cuối năm 2019 vượt kế hoạch đề ra 16%-21%. Bên cạnh đó, cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2 sẽ tiếp tục được xây dựng trong 2H2019 và hoàn thành vào năm Q3/2020.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express GMD 2019Q3.

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 10/09/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 10/09	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.00	2.60%	6.17%	6.72%	-14.12%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.70	1.85%	6.88%	7.62%	-18.97%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.59	1.00%	6.45%	-4.36%	-18.71%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1499.88	-0.55%	-2.01%	-0.77%	25.44%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.02	-0.83%	-2.40%	5.59%	27.18%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	845.84	-0.09%	-1.35%	-1.82%	1.48%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	473.44	2.66%	10.53%	0.36%	-6.06%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.08	0.67%	2.67%	2.67%	11.19%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	166.00	0.61%	3.75%	-12.63%	9.35%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.92	-0.91%	-2.41%	-5.54%	-2.50%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	0.00%	0.00%	20.86%	-4.27%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	95.00	1.23%	2.87%	1.33%	-2.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.60	-0.25%	3.84%	0.98%	-0.20%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3765.00	0.94%	4.24%	-0.97%	-21.23%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1791.00	0.39%	2.17%	2.64%	-14.51%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	90.00	-2.17%	4.05%	-5.26%	29.50%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.13	-2.11%	1.99%	-5.18%	-40.44%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 11/2019 tăng 1.05 USD, tương đương 1.7%, đạt mức 62.59 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 10/2019 tăng 1.33 USD, tương đương 2.4%, đạt mức 57.85 USD/thùng.
- Giá dầu tăng 2% sau khi Bộ trưởng năng lượng mới của Saudi, Hoàng tử Abdulaziz bin Salman, cho biết sẽ tuân thủ chính sách hạn chế sản lượng dầu để hỗ trợ giá.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.2% xuống còn 1,503.56 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 0.3% xuống còn 1,511.10 USD.
- Vàng đã giảm xuống mức thấp hơn 2 tuần, phá vỡ mức hỗ trợ 1,500 USD, do nhu cầu yếu và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng đẩy lên hy vọng các ngân hàng trung ương hàng đầu cắt giảm lãi suất và đưa ra các biện pháp kích thích hỗ trợ kinh tế. Ngoài ra, thị trường vàng cũng chịu áp lực bởi việc Trung Quốc tuyên bố sẽ cắt giảm lượng tích trữ tiền mặt tại các ngân hàng và Chủ tịch của Fed cho biết ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục "hành động phù hợp" để duy trì mở rộng kinh tế.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.8% đạt 655.50 NDT(91.90 USD)/tấn. Giá quặng sắt tăng vào cuối phiên giao dịch do Trung Quốc tăng cường thanh khoản nhằm củng cố nền kinh tế đang chậm lại và hy vọng sẽ có nhiều biện pháp kích thích kinh tế hơn nữa. Ngân hàng trung ương Trung Quốc cho biết vào cuối tuần trước rằng họ sẽ cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc lần thứ ba trong năm nay, qua đó, giải phóng hơn 900 tỷ CNY trong thanh khoản nhằm kích thích kinh tế. Trong khi đó, xuất khẩu của Trung Quốc giảm bất thường trong tháng 8/2019 do xuất vào Mỹ giảm mạnh, cho thấy sự suy yếu của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này.
- Giá thép cây kỳ hạn trên sàn Thượng Hải tăng 2.3% đạt 3,497 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng trên sàn Thượng Hải tăng 2.8% lên 3,528 CNY.

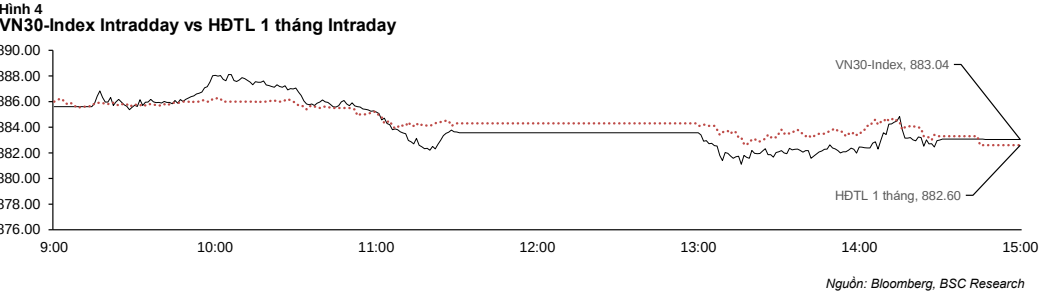
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 1.2 cent, tương đương 1.24%, lên mức 0.9825 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2019 tăng 9 USD, tương đương 0.69%, đạt 1,304 USD/ tấn, sau khi chạm mức thấp nhất 9 năm là 1,262 USD vào thứ Năm tuần trước. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 0.1 cent, tương đương 0.91%, xuống còn 10.92 cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn giảm 80 cent, tương đương 0.26%, xuống còn 30.30 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 2/2020 trên sàn TOCOM ổn định ở mức 165.0 JPY(1.54 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 15 CNY đạt 12,070 CNY(1,694 USD)/ tấn. Giá cao su kỳ hạn tại Tokyo ổn định do hy vọng vào chính sách kích thích kinh tế của Trung Quốc bù lại tình trạng dư cung ở châu Á. Tồn trữ cao su tại các kho Thượng Hải đã tăng 0.7% so với tuần trước.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	882.60	-0.38%	-0.44	99.9%	44570	9/19/2019	11
VN30F1910	885.00	-0.23%	1.96	244.8%	493	10/17/2019	39
VN30F1912	885.30	-0.27%	2.26	-58.2%	28	12/19/2019	102
VN30F2003	886.10	-0.03%	3.06	23.1%	16	3/19/2020	193

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 2.57 điểm xuống mức 883.04 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VNM, PNJ, MWG, và VIC tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giằng co quanh vùng 884-886 điểm vào đầu phiên, giảm mạnh sau khi tăng lên ngưỡng 888 điểm, phục hồi vào cuối phiên. Thanh khoản được giữ ở mức thấp, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.
- Các HDTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá tiếp tục tăng dần trong trung hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CMSN1901	KIS	11/14/2019	65	5:1	8,310	-32.5%	1.8 triệu	20.47%	1,920	1,570	7.53%	247.40
CMBB1901	SSI	9/28/2019	18	1:1	160,940	9.3%	3.0 triệu	20.47%	1,900	2,020	4.66%	1,966.10
CFPT1902	SSI	9/30/2019	20	1:1	47,890	-19.9%	1.0 triệu	19.10%	3,800	9,100	4.60%	8,982.30
CFPT1903	SSI	12/30/2019	111	1:1	44,330	-46.8%	2.0 triệu	19.10%	6,000	12,600	4.30%	9,578.90
CFPT1904	MBS	11/19/2019	70	3:1	361,530	-27.2%	3.0 triệu	19.10%	1,700	2,500	2.04%	1,088.30
CMWG1902	VND	12/11/2019	92	4:1	2,600	0.4%	2.4 triệu	19.61%	2,990	8,500	0.12%	6,496.40
CMBB1902	HSC	12/17/2019	98	1:1	243,710	-2.4%	1.0 triệu	23.48%	3,200	3,000	0.00%	1,533.50
CHPG1906	KIS	11/14/2019	65	2:1	50	-97.8%	5.0 triệu	29.57%	1,500	750	0.00%	17.10
CMWG1904	SSI	9/28/2019	111	1:1	37,960	160.2%	1.0 triệu	19.61%	14,000	31,670	-1.80%	26,221.10
CVIC1901	KIS	11/14/2019	65	5:1	62,340	73.8%	2.0 triệu	23.05%	1,960	2,230	-2.19%	94.50
CHPG1902	KIS	12/11/2019	92	5:1	133,650	1527.9%	3.0 triệu	29.57%	1,000	440	-4.35%	-
CREE1901	MBS	11/19/2019	70	3:1	214,280	-32.4%	3.0 triệu	n/a	1,260	1,400	-5.41%	n/a
CVRE1901	KIS	11/14/2019	65	2:1	83,360	-11.1%	2.5 triệu	28.92%	1,900	1,210	-5.47%	42.50
CHPG1905	SSI	12/30/2019	111	1:1	18,830	-55.0%	1.0 triệu	29.57%	3,300	2,830	-5.67%	815.20
CMWG1903	HSC	12/30/2019	111	5:1	23,160	23.9%	2.0 triệu	19.61%	2,700	5,200	-7.31%	4,265.70
CVNM1901	KIS	12/13/2019	94	10:1	185,470	461.5%	5.0 triệu	20.65%	1,200	620	-8.82%	6.10
CHPG1904	SSI	9/30/2019	20	1:1	60,840	-67.6%	1.0 triệu	29.57%	2,200	400	-21.57%	98.20
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	2	2:1	257,990	81.0%	1.5 triệu	29.57%	1,500	20	-33.33%	-

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 10/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CHPG1903 và CHPG1904 tiếp tục giảm mạnh lần lượt là 33.33 % và 21.57 %. Thanh khoản thị trường giảm 11.99%, CFPT1904 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 19% thị trường.
- Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MSN đang điều chỉnh tăng sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ 74. Thanh khoản cải thiện tích cực trong những phiên gần đây có thể tạo động lực hồi phục trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ có động lực tăng trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	76.10	2.84	1.37
NVL	61.80	0.82	0.26
HPG	21.30	0.47	0.23
VCB	77.70	0.65	0.21
VJC	133.30	0.38	0.19

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.5	-1.15	-0.79
PNJ	78.1	-2.86	-0.57
VNM	123.7	-0.64	-0.56
MWG	114.9	-1.03	-0.48
GMD	26.9	-3.42	-0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN1901	98,488	88,888	76,100
CMBB1901	23,700	20,600	22,550
CFPT1902	96,981	45,140	54,000
CFPT1903	56,154	45,140	54,000
CFPT1904	57,100	52,000	54,000
CMWG1902	48,130	90,000	114,900
CMBB1902	26,300	21,800	22,550
CHPG1906	31,088	28,088	21,300
CMWG1904	165,000	90,000	114,900
CVIC1901	150,688	140,888	122,000
CHPG1902	168,888	41,999	21,300
CREE1901	41,330	37,550	35,000
CVRE1901	44,688	40,888	33,700
CHPG1905	93,300	23,100	21,300
CMWG1903	25,800	95,000	114,900
CVNM1901	46,340	158,888	123,700
CHPG1904	98,800	23,100	21,300
CHPG1903	22,100	23,200	21,300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.9	-1.0%	0.7	2,212	2.6	7,893	14.6	4.9	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	78.1	-2.9%	1.0	756	2.6	4,727	16.5	4.2	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	72.3	-3.6%	1.3	2,203	0.7	1,505	48.0	3.3	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.8	-1.2%	0.7	330	0.7	3,061	10.7	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.0	-0.5%	1.1	17,748	1.3	1,643	74.2	4.9	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.7	-0.9%	1.1	3,412	2.2	1,033	32.6	2.8	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.8	0.8%	0.8	2,500	1.7	3,579	17.3	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	35.0	-0.7%	1.0	472	1.4	5,261	6.7	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.2	0.0%	1.4	344	1.0	2,944	5.1	1.2	45.8%	27.0%
SSI	Chứng khoán	20.7	-1.0%	1.3	457	1.0	1,997	10.4	1.1	57.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	31.9	0.3%	1.0	228	0.0	5,067	6.3	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.3	1.9%	1.4	283	1.4	1,434	14.8	1.5	56.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	54.0	0.4%	0.8	1,592	4.1	4,349	12.4	2.8	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	99.3	-0.8%	1.5	8,263	1.5	6,066	16.4	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.0	0.2%	1.5	3,210	1.4	3,350	18.5	3.7	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	19.4	-4.0%	1.7	403	5.7	2,397	8.1	0.7	23.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	8.9	-1.1%	0.8	1,200	0.5	1,163	7.7	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.0	-1.6%	0.5	517	0.1	4,616	19.7	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.2	-1.1%	0.7	225	0.2	853	15.5	0.7	19.5%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.4	-1.3%	0.6	193	0.2	897	9.4	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	77.7	0.6%	1.3	12,530	2.2	4,729	16.4	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.3	0.5%	1.5	5,693	1.7	2,091	18.3	2.4	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	19.8	-1.0%	1.6	3,197	1.9	1,470	13.4	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.1	-0.2%	1.2	2,147	0.8	2,989	6.7	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.6	-0.2%	1.1	2,072	4.7	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.7	-0.9%	1.1	1,530	0.8	3,438	6.3	1.5	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	48.7	-1.6%	0.9	173	0.2	5,017	9.7	1.6	77.3%	17.1%
NTP	Nhựa	36.8	-0.3%	0.3	143	0.1	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.6	4.8%	1.2	688	0.1	732	24.0	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.3	0.5%	1.0	2,557	3.2	2,760	7.7	1.3	37.6%	19.9%
HSG	Thép	6.5	-2.1%	1.5	119	0.4	425	15.3	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.7	-0.6%	0.8	9,366	3.5	5,465	22.6	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	263.0	-1.1%	0.8	7,333	0.1	6,735	39.1	9.6	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.1	2.8%	1.2	3,868	1.4	3,304	23.0	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.9	0.0%	0.5	385	1.0	542	31.1	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	71.0	-9.2%	0.8	6,720	1.1	2,630	27.0	5.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	133.3	0.4%	1.1	3,036	1.7	9,850	13.5	5.1	18.6%	43.3%
HVN	Vận tải	32.3	-3.1%	1.7	1,992	1.5	1,747	18.5	2.5	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	26.9	-3.4%	0.8	347	2.0	1,888	14.2	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.7	-1.4%	0.6	216	0.9	2,435	7.2	1.2	30.2%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.0	-2.1%	0.9	566	1.1	7,667	10.8	4.2	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.5	-1.0%	0.8	380	0.4	1,327	14.7	1.3	13.2%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	0.0%	0.8	257	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	96.0	-1.1%	0.7	319	0.2	13,535	7.1	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.3	-0.4%	1.1	505	0.5	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.0	-2.4%	0.5	216	0.3	387	51.7	1.0	52.3%	1.9%
POW	Điện	12.3	-2.4%	0.6	1,252	0.4	820	15.0	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.3	0.0%	0.6	317	0.3	2,241	11.3	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	76.10	2.84	0.73	420710.00
VCB	77.70	0.65	0.55	651950.00
BID	38.30	0.52	0.20	1.00MLN
NVL	61.80	0.82	0.14	641960.00
TCH	23.45	3.53	0.09	2.22MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	7.20	1.41	0.04	424600.00
SJE	29.40	9.70	0.04	100.00
PVX	1.50	7.14	0.02	776600.00
IDV	38.00	4.11	0.02	300.00
AMV	19.40	2.11	0.01	353300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.00	-0.49	-0.59	247180.00
SAB	263.00	-1.13	-0.57	7410.00
BVH	72.30	-3.60	-0.56	226180.00
GAS	99.30	-0.80	-0.45	338880.00
HVN	32.30	-3.15	-0.44	1.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.70	-0.91	-0.33	820800.00
PVS	19.40	-3.96	-0.20	6.73MLN
L14	53.00	-8.62	-0.06	218500.00
VCS	83.00	-2.12	-0.06	311000.00
SHS	6.80	-4.23	-0.04	1.09MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAF	21.55	6.95	0.02	459450.00
HRC	43.95	6.93	0.03	940.00
MCG	1.87	6.86	0.00	17570.00
HTL	17.30	6.79	0.00	10.00
HVX	3.15	6.78	0.00	60.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.50	25.0	0.00	17300.00
NHP	0.60	20.0	0.00	70900.00
PCT	6.60	10.0	0.00	100.00
SPI	1.10	10.0	0.00	285800.00
SJE	29.40	9.7	0.04	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDC	8.71	-17.05	-0.05	466900.00
CMV	10.00	-6.98	0.00	10.00
DHM	4.27	-6.97	0.00	3720.00
BRC	10.70	-6.96	0.00	1010.00
CIG	2.14	-6.96	0.00	2730.00

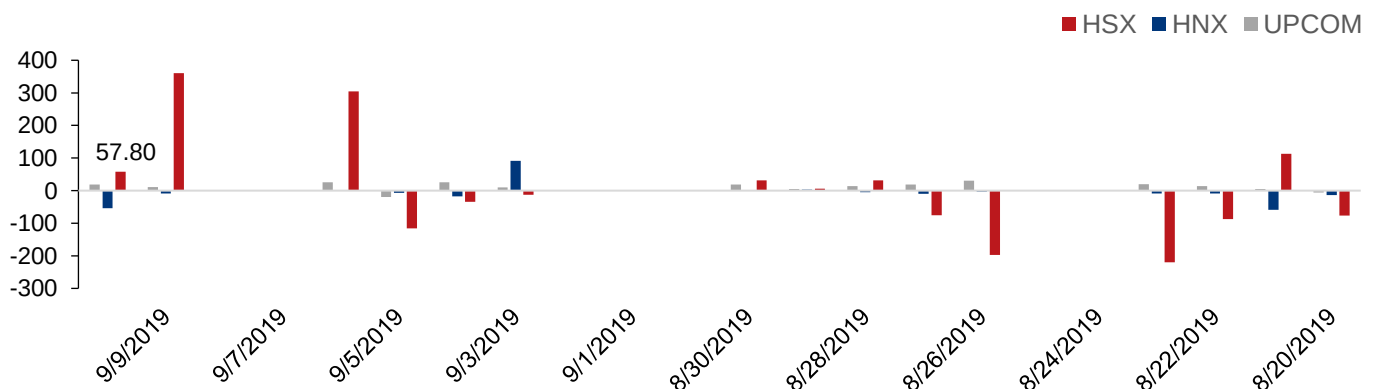
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAG	105.90	-10.10	-0.04	300.00
WSS	1.80	-10.00	-0.01	300.00
BAX	49.90	-9.93	-0.01	81800.00
SFN	24.50	-9.93	-0.01	300.00
VTL	23.60	-9.92	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.7	3,705	7.5	2.0	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	54.0	4,349	12.4	2.8	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.2	649	20.3	1.2	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	114.9	7,893	14.6	4.9	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	78.1	4,727	16.5	4.2	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	51.7	5,276	9.8	2.8	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.2	4,234	6.7	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.7	3,438	6.3	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	16.8	3,181	5.3	1.4	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.5	425	15.3	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	42.0	4,314	9.7	2.9	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	76.1	3,304	23.0	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	158.0	7,716	20.5	10.6	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	26.9	1,888	14.2	1.3	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	114.9	7,893	14.6	4.9	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	28.3	3,474	8.1	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.4	1,433	5.2	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	80.0	18,865	4.2	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.3	1,295	16.5	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.0	3,437	5.2	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

